TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Dương Thị U, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần MInh P, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị U trình bày:

Bà và ông Trần MInh P quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2007. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh P, nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con cái. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần MInh P.

Về con chung: Bà và ông P có 03 con chung tên Trần Thị Trúc Linh (nữ) sinh năm 1995, Trần Thị Diễm My (nữ) sinh năm 2001 và Trần Minh Khang (nam) sinh ngày 06/8/2011. Hiện 02 con chung tên Trần Thị Trúc Linh và Trần Thị Diễm My đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng con chung Trần Minh Khang hiện đang sống với cả cha và mẹ, bà tôn trọng quyết định của cháu Khang, nếu cháu muốn sống với bà thì bà sẽ nuôi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng, nếu cháu muốn sống với ông P thì bà đồng ý giao cháu cho ông P nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 ông P khai ông thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị U, ông và bà U sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/8/2007. Quá trình chung sống hạnh P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc, không tìm thấy được tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh P. Nay bà U gửi đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn với ông và ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà U có 03 con chung tên Trần Thị Trúc Linh (nữ) sinh năm 1995, Trần Thị Diễm My (nữ) sinh năm 2001 và Trần Minh Khang (nam) sinh ngày 06/8/2011. Hiện 02 con chung tên Trần Thị Trúc Linh và Trần Thị Diễm My đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng con chung Trần Minh Khang hiện đang sống với cả cha và mẹ, ông tôn trọng quyết định của cháu Khang, nếu cháu muốn sống với bà U thì ông đồng ý giao cháu cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng, nếu cháu muốn sống với ông thì ông sẽ nuôi và không yêu cầu bà U cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị U được ly hôn với ông Trần MInh P; Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Minh Khang (nam) sinh ngày 06/8/2011 cho ông

Trần MInh P tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Dương Thị U không ai được quyền cản trở. Riêng 02 con chung tên Trần Thị Trúc Linh (nữ) sinh năm 1995, Trần Thị Diễm My (nữ) sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Dương Thị U phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị U và ông Trần MInh P sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa vào ngày 13/8/2007. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần MInh P và yêu cầu giải quyết con chung; Ông Trần MInh P có địa chỉ cư trú tại ấp 4A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 thì thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị U và ông Trần MInh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà U và ông P là có căn cứ.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà Dương Thị U và ông Trần MInh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa vào ngày 13/8/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà U và ông P phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình, trong công việc và giáo dục con chung, bà U cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh P và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông P, cho thấy hôn nhân của bà U và ông P đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà U là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà U được ly hôn với ông P.

[3.2] Về phần con chung, Hội đồng xét xử xét thấy bà Dương Thị U và ông Trần MInh P có 03 con chung tên Trần Thị Trúc Linh (nữ) sinh năm 1995, Trần Thị Diễm My (nữ) sinh năm 2001 và Trần Minh Khang (nam) sinh ngày 06/8/2011. Hiện 02 con chung tên Trần Thị Trúc Linh và Trần Thị Diễm My đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/6/2023, cháu Trần Minh Khang trình bày ý chí nguyện vọng của mình là sau khi cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu, giao cháu Trần Minh Khang cho ông Trần MInh P tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không yêu cầu bà Dương Thị U cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Dương Thị U không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung : Không có.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Dương Thị U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị U được ly hôn với ông Trần MInh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Khang (nam) sinh ngày 06/8/2011 cho ông Trần MInh P tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng 02 con chung tên Trần Thị Trúc Linh (nữ) sinh năm 1995 và Trần Thị Diễm My (nữ) sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Ông Trần MInh P không yêu cầu bà Dương Thị U cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm só, giáo dục con chung cho bà Dương Thị U không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết .

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị U phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Dương Thị U đã nộp theo biên lai số 0002022 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà U đã nộp xong).

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Á